TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/KDTM - ST
Ngày: 21/8/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Tùng**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lâm Thị Tám**;
2. Ông **Lê Minh Trí**.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Tô Văn Đằng** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 01/2019/TLST - KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐST – KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST – KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P

Địa chỉ: Số 990, Xa lộ Hà N, khu phố 2, phường Bình Đ, Thành phố Biên H, tỉnh Đồng N.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Xuân T,** chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 40 đường Nguyễn Thành P, Khu phố 6, phường Thống N, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Công ty TNHH Đức T

Địa chỉ: Số 88 đường tỉnh 934, ấp Châu T, thị trấn Mỹ X, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T

Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc Quang T,** chức vụ: Giám Đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2019, các phiên hòa giải, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà ngày hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ngày 21/01/2015, Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P và Công ty TNHH Đức T đã ký kết Hợp đồng Mua Bán số VT-S-201501-008. Theo đó, Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P bán cho Công ty TNHH Đức T 01 máy rải bê tông nhựa đã qua sử dụng theo mô tả như sau: Máy rải bê tông nhựa: Đã qua sử dụng, Nhãn hiệu: VOGELE, Model: Super 2100-2, Nước sản xuất: Đức, Năm sản xuất: 2009, Số khung: 07190316, Bàn đầm: AB600TV 7,5m + SB250TV 12m

Tổng giá trị hợp đồng là **7.000.000.000**đồng ***(Bảy tỷ đồng)***.

Ngày 01/02/2015, Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P đã tiến hành nghiệm thu và bàn giao máy rải bê tông nhựa cho Công ty TNHH Đức T, theo Biên bản nghiệm thu và bàn giao thiết bị, có xác nhận của hai bên.

Sau đó, Công ty TNHH Đức T có đặt mua thêm hàng hóa là các phụ tùng, thiết bị và sử dụng dịch vụ sửa chữa, với số tiền là **746.618.500đồng** (*Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm mười tám ngàn, năm trăm đồng*). Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cho việc mua máy rải bê tông nhựa và các đợt mua hàng là các thiết bị, phụ tùng cho Công ty TNHH Đức T. Với tổng số tiền mua máy rải bê tông nhựa và các thiết bị là **7.746.615.500đồng** (*Bảy tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm mươi lăm ngàn năm trăm đồng*)

Từ tháng 01/2015 đến tháng 04/2016 Công ty TNHH Đức T đã thanh toán cho Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P tổng số tiền là **7.344.528.500đồng** (*Bảy tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi tám ngàn năm trăm đồng*).

Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P đã bàn giao máy rải bê tông nhựa và các thiết bị, phụ tùng cho Công ty TNHH Đức T và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng, hoàn thành hết trách nhiệm của bên bán. Tuy nhiên, Công ty TNHH Đức T không thực hiện đúng thỏa thuận tại Điều 02 của hợp đồng mua bán, không thanh toán số tiền mua máy rải bê tông nhựa còn lại.

Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P đã rất nhiều lần gửi văn bản đề nghị Công ty TNHH Đức T thanh toán số tiền còn lại. Tuy nhiên, Công ty TNHH Đức T cố tình trì hoãn, không trả.

Ngày 05/03/2019, Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P và Công ty TNHH Đức T đã tiến hành đối chiếu công nợ, Công ty TNHH Đức T xác nhận còn nợ Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh Phú số tiền là: **402.090.000 đồng *(Bốn trăm lẻ hai triệu, không trăm chín mươi ngàn đồng)***

Nay Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên giải quyết buộc Công ty TNHH Đức T phải thanh toán cho Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P:

Số tiền còn nợ theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 05/03/2019 là: **402.090.000 đồng *(Bốn trăm lẻ hai triệu không trăm chín mươi ngàn đồng)***

Số tiền lãi chậm trả tính đến thời điểm thanh toán (tạm tính từ ngày 05/03/2019 đến ngày 21/8/2019 (169 ngày) là: 402.090.000 x 169 ngày x (12.75%/12) = **23.737.080 đồng**

Tổng cộng vốn và lãi là **425.827.080 đồng**

Đối với bị đơn Công ty TNHH Đức T: Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn vốn và lãi là **425.827.080 đồng.** Ngoài ra đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng: Đối với bị đơn Công ty TNHH Đức T hiện nay chỉ có bảng hiệu tại địa phương mà không có người đại diện ở địa phương nhưng Công ty không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, do đó Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định và áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Trần Ngọc Quang T theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P yêu cầu Công ty TNHH Đức T hoàn trả cho Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P số tiền tính đến ngày 22/4/2019 là **425.827.080 đồng** đồng (Trong đó số nợ gốc là 402.090.000, tiền lãi đến ngày 21/8/2019 là **23.737.080** đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo thỏa thuận của hai bên tại Điều 02 của hợp đồng mua bán số 46/2015/HĐTDNH – CN/SHB ngày 23/4/2015 thì Công ty TNHH Đức T phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P trước khi nhận xe. Tuy nhiên chỉ thanh toán cho Công ty TNHH Đức T và không thanh toán thêm cho Công ty số tiền nào.

[3] Việc bị đơn Công ty TNHH Đức T không thực hiện việc thanh toán nợ đầy đủ cho Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P theo như thỏa thuận trong hợp đồng đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, do bị đơn đã vi phạm hợp đồng giao kết giữa các bên nên Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng số tiền là **425.827.080** đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466.

[4] Như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ đến hạn là **425.827.080 đồng** đồng (Trong đó số nợ gốc là 402.090.000, tiền lãi đến ngày 21/8/2019 là **23.737.080** đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì bị đơn Công ty TNHH Đức T phải chịu **21.291.354** đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh Phú.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Đức T có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P số tiền là **425.827.080** đồng

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH Đức T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền **21.291.354** đồng

- Nguyên đơn Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh Phú không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp **11.423.225** đồng theo biên lai thu tiền số 0008943 ngày 24/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng Công ty TNHH Đức T còn phải trả lãi cho Công ty cổ phần tổng công ty Vĩnh P theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Công ty TNHH Đức T thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để xin Toà án nhân dân tỉnh Sóc T xét xử phúc thẩm .

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Thanh Tùng